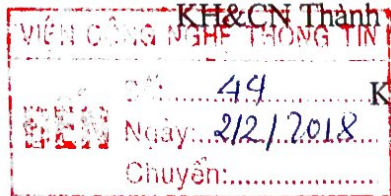


Số: **79** /SKHCN-KHTC

V/v: hướng dẫn xây dựng Kế hoạch
KH&CN Thành phố Hà Nội năm 2019

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2018



Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã;
- Các trường, viện, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Thực hiện công văn số 4208/BKHCN-KHTC ngày 14/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách Khoa học và Công nghệ (KH&CN) năm 2019; Để đảm bảo kế hoạch KH&CN năm 2019 được xây dựng kịp tiến độ, đạt hiệu quả, theo đúng các quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Hà Nội; Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ của Thành phố năm 2019 như sau:

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch.

Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020;

Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020;

Các Nghị quyết, Chương trình công tác của Thành ủy Hà Nội giai đoạn 2016-2020⁽¹⁾;

Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020 của Thành phố Hà Nội;

Quyết định số 6252/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chiến lược phát triển KH&CN Thành phố Hà Nội đến năm 2020;

Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố phê duyệt chương trình KH&CN trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015-2020;

Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN của thành phố Hà Nội;

Công văn số 4208/BKHCN-KHTH ngày 14/12/2017 của Bộ KH&CN về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2019;

Kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước của Thành phố 3 năm 2018 - 2020.

⁽¹⁾ Các Nghị quyết, Chương trình công tác của Thành ủy giai đoạn 2016-2020 tại phụ lục 1.

II. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch.

Tập trung xác định, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN trực tiếp từ Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố; các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai phục vụ trực tiếp các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển KT-XH của Thành phố; các nhiệm vụ nghiên cứu xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN do các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã quản lý; các nhiệm vụ nghiên cứu của các viện, trường trên địa bàn đề xuất đặt hàng. Ưu tiên giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố là đơn vị nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu và có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ.

Các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp thành phố phải có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và giải quyết các vấn đề KH&CN thuộc phạm vi Thành phố, có địa chỉ ứng dụng cụ thể cho các kết quả tạo ra, có thời gian thực hiện phù hợp, khả thi, không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã nghiệm thu và đang thực hiện. Không đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc nhiệm vụ chỉ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Đối với các dự án của doanh nghiệp liên kết với các tổ chức KH&CN, nhà khoa học và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá thì thực hiện theo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại Điều 32 Luật Khoa học công nghệ.

Ưu tiên các nhiệm vụ hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, các dự án sản xuất là kết quả nghiên cứu ứng dụng, các nhiệm vụ có sự tham gia của doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ thuộc hoạt động quản lý nhà nước theo các lĩnh vực: Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ; đổi mới công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin và thống kê KH&CN; hợp tác quốc tế về KH&CN; hình thành và phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn; thanh tra KH&CN; sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng tiến bộ KH&CN... và các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác của đơn vị được xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trên cơ sở căn cứ vào kế hoạch 3 năm 2018 - 2020, định hướng trọng tâm năm 2019 và nhu cầu, khả năng, điều kiện thực tế của đơn vị.

III. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch.

III.1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN

1. Tập trung triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố “Những luận cứ khoa học và thực tiễn đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố, định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Nghiên cứu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành

của chính quyền các cấp, chất lượng và hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

2. Nghiên cứu nâng cao năng lực, khả năng sẵn sàng ứng phó với các tình huống đột xuất, bất ngờ có thể xảy ra về quốc phòng, an ninh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh chính trị nội bộ, an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh xã hội và an ninh nông thôn. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, trấn áp, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật khác, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh, toàn diện, nòng cốt.

3. Tập trung nghiên cứu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, đề xuất các giải pháp tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để nâng cao năng suất lao động. Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển ngành kinh tế mũi nhọn trong mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại kinh tế Thủ đô bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển, cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, hợp tác xã của Thành phố; cơ cấu đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng, hệ thống tài chính; hoàn thiện cơ chế giám sát hệ thống thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng trong quá trình hội nhập và phát triển. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro đối với các doanh nghiệp khi chuyển sang "hậu kiểm". Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển các thành phần kinh tế, đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các hoạt động xúc tiến công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước từ các nước tiên tiến trên thế giới; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong và ngoài nước. Nghiên cứu bổ sung và xây dựng mới các chính sách để phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, thu hút đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

5. Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy thu hút đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối theo quy hoạch; phát triển thị trường gắn với Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; nghiên cứu các giải pháp, cơ chế nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, kiểm soát chất lượng và giá cả hàng hóa, sản phẩm thiết yếu, tăng cường xúc tiến, quảng bá thương hiệu, hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm làng nghề truyền thống.

6. Nghiên cứu nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động, phát triển sản giao dịch, đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Đề xuất các giải pháp, biện pháp đồng bộ, quyết liệt phòng chống tệ nạn xã hội, tạo việc làm cho các đối tượng mắc tệ nạn xã hội đã được giáo dục; nhân rộng mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không tệ nạn xã hội.

7. Nghiên cứu, phát triển công nghệ thuộc các lĩnh vực cơ khí, tự động hoá, điện tử phục vụ ngành chế tạo máy, ngành xây dựng, phát triển công nghiệp hỗ trợ,

góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Làm chủ công nghệ, chế tạo một số sản phẩm cơ điện tử, thiết bị tự động điều khiển các quá trình sản xuất, thu thập, lưu giữ và truyền dữ liệu từ xa, cảnh báo an toàn. Nghiên cứu, phát triển công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học phục vụ sản xuất các vật liệu, hóa chất cơ bản, thực phẩm chức năng, bào chế thuốc từ nguồn nguyên liệu, dược liệu tiềm năng trong nước. Nghiên cứu, phát triển công nghệ thông tin nhằm phát triển hạ tầng viễn thông, sản phẩm/dịch vụ viễn thông/công nghệ thông tin trọng điểm, trung tâm dữ liệu lớn; hướng tới làm chủ công nghệ, thiết kế và chế tạo các thiết bị phần cứng, công nghệ cốt lõi của cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong đo lường, giám sát, điều khiển, bảo vệ và quản lý vận hành. Nghiên cứu tiếp cận và làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo một số thiết bị năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng. Nghiên cứu công nghệ môi trường xử lý phế thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải y tế; tập trung xử lý chất thải rắn theo công nghệ đốt thu hồi nhiệt, nghiên cứu công nghệ thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, chống úng lụt.

8. Nghiên cứu đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; sản xuất hàng hóa, nông sản sạch, giá trị cao, bền vững và an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hình thành và phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện đất đai, phát triển tổng thể đô thị và khai thác tối đa các lợi thế của Thủ đô. Xây dựng các chính sách đối với sản xuất nông nghiệp, chính sách cụ thể huy động nguồn lực để liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh liên kết giữa các hộ, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp. Tăng cường dồn điền đổi thửa, tích tụ tập trung ruộng đất, đưa sản xuất chăn nuôi ra khỏi khu dân cư; phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nâng cao năng lực dự báo thị trường; tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Đề xuất các giải pháp tăng cường kiểm soát dịch bệnh, giống, vật tư nông nghiệp, đặc biệt là việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Nghiên cứu đưa ra giải pháp huy động, bố trí nguồn lực xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững; đẩy mạnh xây dựng xã nông thôn mới.

9. Nghiên cứu nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Xây dựng giao thông thông minh, phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị về giao thông vận tải; nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ để kiểm soát, quản lý phương tiện cơ giới cá nhân; đánh giá tác động giao thông cho đô thị, giảm thiểu tình trạng ùn tắc và tai nạn giao thông. Nghiên cứu đô thị xanh - thông minh, xây dựng công trình thông minh, phát triển dịch vụ đô thị thông minh. Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước, hệ thống chiếu sáng đô thị; tăng cường cải thiện môi trường, môi sinh, đảm bảo cung cấp nước sạch. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vật liệu tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và thúc đẩy phát triển công trình xanh. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới bảo vệ chống ăn mòn kết cấu, công nghệ vật liệu mới, vật liệu thân thiện với môi trường trong xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý, tạo chuyển biến mạnh về trật tự xây dựng, đất đai; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng phù hợp với quy hoạch phát triển và thực tiễn của Thủ đô.

10. Nghiên cứu phục vụ công tác kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh và xử lý tốt tình hình dịch bệnh trên địa bàn thành phố. Xây dựng y tế thông minh, tăng cường

hiệu quả công tác cận lâm sàng tại các đơn vị y tế ngoài công lập. Tăng cường công tác xã hội hóa đầu tư cho y tế, phát triển mô hình bác sỹ gia đình nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, toàn diện và thuận lợi. Nghiên cứu làm chủ các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường, phổ biến, chuyển giao kỹ thuật cho các tuyến sau. Tập chung nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; ứng dụng và phát triển các phương pháp điều trị không dùng thuốc, phát triển y học cổ truyền dựa trên bằng chứng y học hiện đại. Nghiên cứu xây dựng quy trình giám sát và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất trang thiết bị y tế và từng bước làm chủ công nghệ sản xuất thiết bị y tế công nghệ cao. Ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế, tiêm chủng mở rộng, quản lý sức khỏe nhân dân, mở rộng tầm soát ung thư,... có sự liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư thành phố.

11. Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ Thành phố tới cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế. Phát triển thể thao quần chúng, xã hội hóa các cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao quần chúng. Phát huy các giá trị vật thể và phi vật thể của các di sản văn hóa, các di tích trên địa bàn thành phố, bảo tồn, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa gắn với khai thác phát triển du lịch địa phương. Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao gắn với xây dựng thương hiệu du lịch Thủ đô, liên kết hợp tác phát triển dịch vụ du lịch, xây dựng du lịch thông minh. Chú trọng phát triển văn học, nghệ thuật trên nền tảng kế thừa, phát huy truyền thống văn hiến, anh hùng của Thủ đô, bồi dưỡng, thu hút tài năng trẻ của Thủ đô phát triển văn học, nghệ thuật. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, tuyên truyền, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển KH&CN của thế giới và thúc đẩy phát triển kinh tế số.

12. Xây dựng giáo dục thông minh, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường, trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở dạy nghề; chú trọng chất lượng giảng dạy tin học, ngoại ngữ; tăng cường giáo dục thể chất, giáo dục nhân cách trong chương trình giáo dục phổ thông. Đổi mới chương trình học, sách giáo khoa, nề nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường, đẩy mạnh ứng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường; quản lý chặt chẽ việc dạy thêm trái quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống trung tâm học tập cộng đồng. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến học, khuyến tài; tăng cường cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại; khắc phục tình trạng thiếu trường học công lập tại các khu vực đô thị hóa cao.

13. Triển khai thực hiện các dự án nông thôn miền núi ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; dự án có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò là hạt nhân trong chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa tại các địa bàn triển khai (làm chủ từ khâu sản xuất giống, tạo vùng nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm, hàng hóa và chế biến sản phẩm cuối cùng), dự án góp phần giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động ở nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số của thành phố Hà Nội.

14. Thực hiện các dự án thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020: Bảo hộ, áp dụng sáng chế của các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố vào thực tiễn; Bảo hộ, áp dụng và phát triển giá trị của các giống cây trồng mới đã được

thực hiện ở các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố; Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù của địa phương; Bảo hộ sở hữu trí tuệ, hoàn thiện, áp dụng, khai thác thương mại các kết quả sáng tạo cá nhân (sản phẩm của các nhà sáng chế không chuyên).

III.2. Đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN

1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; đưa KH&CN, đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển các ngành kinh tế và dịch vụ. Nghiên cứu bổ sung và xây dựng mới các chính sách để hỗ trợ hình thành, phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, thu hút đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng; đào tạo nâng cao năng lực kiểm định viên đo lường, kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Xã hội hóa hoạt động đánh giá sự phù hợp; đẩy mạnh hoạt động thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, thông tin, cảnh báo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt về năng suất; tăng cường việc sử dụng mã số mã vạch; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh hoạt động xác lập quyền sở hữu trí tuệ; hoạt động thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tài sản trí tuệ trong hội nhập kinh tế; đào tạo nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ. Xây dựng, nhân rộng mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ tại các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN. Bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù của địa phương; Bảo hộ sở hữu trí tuệ, hoàn thiện, áp dụng, khai thác thương mại các kết quả sáng tạo cá nhân.

4. Tăng cường công tác thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ. Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông KH&CN, cung cấp kịp thời các thông tin về cơ chế, chính sách và vai trò của KH&CN, đổi mới sáng tạo, kết quả hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo đến các cơ quan, đơn vị và người dân. Cập nhật, bổ sung và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu KH&CN; công khai thông tin về việc thực hiện và kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố. Bổ sung các nguồn tin KH&CN trong nước và quốc tế có giá trị, từng bước tạo lập nền tảng tri thức KH&CN trong nước và quốc tế phong phú, đầy đủ, chính xác và cập nhật, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tham gia, phối hợp thực hiện công tác điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN năm 2019. Thu thập đầy đủ các chỉ tiêu thống kê, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê, KH&CN, đổi mới sáng tạo.

6. Tiếp tục phát triển thị trường KH&CN, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; xây dựng các tập thể nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức dịch vụ KH&CN, nhất là các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; hình thành và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ, phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Tập trung nguồn lực xây dựng, thu hút đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên đáp ứng nhu cầu hoạt động KH&CN của các ngành, các lĩnh vực khoa học và hướng công nghệ ưu tiên; đầu tư nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng của thành phố.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN. Đơn giản hóa và minh bạch quy trình và thủ tục, giảm thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành hoạt động KH&CN, việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

8. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế, xác định đối tác chiến lược, địa bàn trọng điểm để hợp tác và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh việc tìm kiếm và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu theo hình thức hợp tác song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế có nền khoa học phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại và thu hút kinh phí đầu tư từ nước ngoài cho KH&CN.

IV. Tổ chức thực hiện công tác xây dựng kế hoạch

IV.1. Đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các quận, huyện, thị xã; các trường, viện, tổ chức và doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, dự án thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ phân cấp cho thành phố quản lý. Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ được đề xuất đặt hàng theo chương trình KH&CN² và sắp xếp thứ tự ưu tiên gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, tổ chức xác định nhiệm vụ, lập danh mục báo cáo UBND Thành phố. Sau khi nhiệm vụ được tuyển chọn/giao trực tiếp, Sở KH&CN sẽ tổng hợp, cân đối, xác định tổng mức kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN năm 2019 của thành phố, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và HĐND, UBND Thành phố xem xét, giao kế hoạch thực hiện (*biểu mẫu tại phụ lục 3*).

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các quận, huyện, thị xã; các trường, viện, tổ chức và doanh nghiệp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, dự án thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ do Bộ KH&CN quản lý, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo nghị định thư, dự án nông thôn miền núi và các nhiệm vụ cấp quốc gia khác. Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ gửi Sở KH&CN để đánh giá, tham mưu UBND Thành phố đề xuất đặt hàng với Bộ Khoa học và Công nghệ.

² Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ Thành phố Hà Nội tại phụ lục 2.

IV.2. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN và chỉ sự nghiệp KH&CN của các tổ chức KH&CN công lập.

UBND các quận, huyện, thị xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại Thông tư số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN của địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND thành phố (biểu mẫu tại phụ lục 3).

Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở KH&CN căn cứ vào kế hoạch 3 năm 2018 - 2020, định hướng trọng tâm năm 2019 và nhu cầu, khả năng, điều kiện thực tế để xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN, chỉ sự nghiệp KH&CN thuộc các lĩnh vực: tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin và thống kê KH&CN, hợp tác quốc tế về KH&CN, thanh tra KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN; đổi mới sáng tạo và các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên (biểu mẫu tại phụ lục 3).

Các tổ chức sự nghiệp KH&CN công lập xây dựng nhiệm vụ và dự toán chi NSNN năm 2019 cho hoạt động thường xuyên theo chức năng thực hiện theo Thông tư số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN công lập và các quy định hiện hành.

IV.3. Kế hoạch thực hiện các dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN; dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn dự án cải tạo, sửa chữa sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách thành phố Hà Nội; căn cứ danh mục các dự án đã được phê duyệt giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 để xây dựng hồ sơ dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố (biểu mẫu tại phụ lục 3).

Các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các quận, huyện, thị xã; các trường, viện, tổ chức và doanh nghiệp gửi văn bản, tài liệu xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2019 về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội (bản mềm gửi về địa chỉ e-mail: vanthu_sokhcn@hanoi.gov.vn), cụ thể:

- Các Biểu tổng hợp và Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN (02 bản): **trước ngày 30/4/2018.**
- Báo cáo đánh giá tình triển khai thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2018 của cơ quan, đơn vị (biểu mẫu tại phụ lục 4): **trước ngày 30/5/2018.**

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2019 và hệ thống biểu mẫu được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội (<http://www.dost.hanoi.gov.vn>).

Mọi phát sinh vướng mắc đề nghị liên hệ với Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội - ĐT: 02433524232 để được giải đáp.

Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội thông báo nội dung hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2019 của thành phố Hà Nội để các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các quận, huyện, thị xã; các doanh nghiệp, tổ chức được biết và thực hiện./. *Log*

Nơi nhận: *B*

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Đ/c PCT UBND Thành phố Ngô Văn Quý;
- Lưu: VT, KHTC.

(Để b/c)



Lê Ngọc Anh

**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC
CỦA THÀNH ỦY, UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Tên Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch
1	Chương trình số 01-CTr/TU: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng hệ thống chính trị các cấp thực sự trong sạch, vững mạnh giai đoạn 2016 - 2020
2	Chương trình số 02-CTr/TU: Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016 - 2020
3	Chương trình số 03-CTr/TU: Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2016 - 2020
4	Chương trình số 04-CTr/TU: Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2016 - 2020
5	Chương trình số 05-CTr/TU: Tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới giai đoạn 2016 - 2020
6	Chương trình số 06-CTr/TU: Phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị, tăng cường quản lý trật tự xây dựng, đất đai, môi trường, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại giai đoạn 2016 - 2020
7	Chương trình số 07-CTr/TU: Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2020
8	Chương trình số 08-CTr/TU: Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020
9	Nghị Quyết số 06-NQ/TU: Về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo
10	Nghị Quyết số 08-NQ/TU: Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo
11	Kế hoạch số 188/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội
12	Kế hoạch số 171/KH-UBND về việc thực hiện Chương trình 03-CTr/TU của Thành ủy
13	Kế hoạch số 165/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy
14	Kế hoạch số 162/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình số 06-CTr/TU của Thành ủy
15	Kế hoạch số 141/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI (GIAI ĐOẠN 2016 - 2021)**

TT	Tên Chương trình / Mã số
1	Chương trình 01C - 01: Công nghệ công nghiệp
2	Chương trình 01C - 02: Tự động hóa - Điện - Điện tử viễn thông
3	Chương trình 01C - 03: Công nghệ vật liệu
4	Chương trình 01C - 04: Quy hoạch - Xây dựng - Giao thông vận tải và quản lý cơ sở hạ tầng
5	Chương trình 01C - 05: Phát triển nông nghiệp
6	Chương trình 01C - 06: Công nghệ sinh học
7	Chương trình 01C - 07: Công nghệ thông tin
8	Chương trình 01C - 08: Y tế - Bảo hộ lao động - Vệ sinh an toàn thực phẩm
9	Chương trình 01C - 09: Môi trường và Tài nguyên
10	Chương trình 01X - 10: Quản lý kinh tế - xã hội
11	Chương trình 01X - 11: Xây dựng hệ thống chính trị - An ninh quốc phòng
12	Chương trình 01X - 12: Giáo dục đào tạo - Văn hóa - Thể thao
13	Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi

Phụ lục 3 - Biểu 3.1

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2019

Số TT	Tên Chương trình/Tên nhiệm vụ KH&CN	Loại hình nhiệm vụ (Đề tài, Đề án khoa học, Dự án SXTN, Dự án KH&CN, khác)	Định hướng mục tiêu	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện (tháng)	Kinh phí (triệu đồng)		
						Tổng số	Ngân sách Nhà nước	Năm 2019
I	Chương trình 1:							
1								
2								
...								
II	Chương trình 2:							
1								
2								
...								
	Tổng số:							

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP THÀNH PHỐ**
(Dùng cho đề tài hoặc đề án khoa học)

1. **Tên Đề tài/Đề án:**
2. **Căn cứ đề xuất** (Giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố ban hành theo Quyết định số 29/2016/QĐUBND ngày 19/8/2016 của UBND Thành phố Hà Nội):
3. **Tính cấp thiết; tầm quan trọng, tác động và ảnh hưởng** đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố và giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ thuộc phạm vi thành phố:
4. **Mục tiêu:**
5. **Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:**
6. **Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:**
7. **Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:**
8. **Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:** tháng (từ/...../..... đến/...../.....)
9. **Dự kiến nhu cầu kinh phí:** triệu đồng

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 5 trang khổ A4, font chữ Times New Roman cỡ 12

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP THÀNH PHỐ
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)**

1. Tên dự án SXTN:
2. **Xuất xứ hình thành** (từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài... có khả năng ứng dụng):
3. **Tính cấp thiết; tầm quan trọng, tác động và ảnh hưởng** đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố và giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ thuộc phạm vi thành phố:
4. Mục tiêu:
5. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:
7. **Nhu cầu thị trường** (Phân tích khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án):
8. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
9. **Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra** (Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án):
10. **Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:** tháng (từ/...../..... đến/...../.....)
11. **Dự kiến nhu cầu kinh phí:** triệu đồng

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 5 trang khổ A4, font chữ Times New Roman cỡ 12

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP THÀNH PHỐ**
(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)

1. Tên dự án KH&CN:
2. Xuất xứ hình thành (Nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan,...):
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng, tác động và ảnh hưởng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố và giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ thuộc phạm vi thành phố:
4. Mục tiêu:
5. Nội dung KH&CN chủ yếu (Mỗi nội dung của dự án KH&CN có thể hình thành được một hoặc một số đề tài, dự án SXTN):
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
8. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
9. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả (Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án):
10. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện: tháng (từ/...../..... đến/...../.....)
11. Dự kiến nhu cầu kinh phí: triệu đồng
12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
 - 12.1. **Hiệu quả kinh tế - xã hội** (Làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác,...):
 - 12.2. **Hiệu quả về khoa học và công nghệ** (Làm rõ tác động đối với lĩnh vực KH&CN liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh,...):

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 5 trang khổ A4, font chữ Times New Roman cỡ 12

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHU CẦU, ĐẶT HÀNG DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
(Dự kiến thực hiện trong kế hoạch năm)

Cấp quản lý: Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý ☐

Thành phố Hà Nội quản lý: ☐

1. Tên dự án:
2. Tính cấp thiết của dự án:
3. Mục tiêu của dự án:
4. Tóm tắt nội dung dự án:
5. Dự kiến kết quả, sản phẩm của dự án:
6. Yêu cầu về chuyên môn, năng lực của đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện:
7. Thời gian thực hiện (số tháng, bắt đầu từ ...):

ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT/ ĐẶT HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

(Tên cơ quan, đơn vị)

Phụ lục 3 - Biểu 3.2

TỔNG HỢP NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN VÀ CHI SỰ NGHIỆP KH&CN NĂM 2019

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ/Xuất xứ	Dự kiến kết quả	Các nội dung	Thời gian		Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Kinh phí (triệu đồng)	Căn cứ pháp lý
					Bắt đầu	Kết thúc					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1		Nhiệm vụ 1									
		Nhiệm vụ 2									
		...									
2		Nhiệm vụ 1									
		Nhiệm vụ 2									
		...									

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

(Tên cơ quan, đơn vị)

Phụ lục 3 - Biểu 3.3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2019

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí			
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bố lũy kế hết năm 2017	Kế hoạch vốn năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019
I	Dự án chuyển tiếp									
1										
2										
...										
II	Dự án mới									
1										
2										
....										

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2018

(tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2018)

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017, tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2018, các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các quận, huyện, thị xã; các doanh nghiệp và tổ chức trên địa bàn thành phố xây dựng báo cáo đánh giá theo các nội dung sau:

I. Đánh giá việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về KH&CN

Các cơ quan, đơn vị tiến hành đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những hạn chế, bất cập và đề xuất những kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách về KH&CN (Biểu 4.1), cụ thể:

- Các cơ chế, chính sách trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án, đề án), đặc biệt là cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;
- Các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật trong hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân;
- Các cơ chế, chính sách nhằm phát triển doanh nghiệp KH&CN, tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST, nâng cao năng lực công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp;
- Các cơ chế, chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao (Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV ngày 06/11/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ) đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;
- Các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN;
- Các cơ chế, chính sách nhằm hình thành và hoạt động các Quỹ KH&CN của các doanh nghiệp;
- Các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung;
- Các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (Biểu 4.2 và Biểu 4.3)

a. Các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp quốc gia: Đánh giá tình hình thực hiện và kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia so với mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của khung chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá cần tập trung nêu bật sự gắn kết, đóng góp của các nhiệm vụ KH&CN vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia (*Chi tiết các*

Chương trình xem trên website Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN).

b. Các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp cơ sở: Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp cơ sở. Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH&CN và tồn tại bất cập trong việc thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh. Nêu bật đóng góp của các nhiệm vụ KH&CN vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

2. Phát triển tiềm lực KH&CN

Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN được giao quản lý, đánh giá nhân lực thuộc tổ chức KH&CN (Biểu 4.4). Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN

Đánh giá kết quả nổi bật và tồn tại của các hoạt động: Phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; Phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sản giao dịch công nghệ. Hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Đánh giá kết quả và những tồn tại bất cập đối với các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh: Ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, ngành, địa phương (số lượng, kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động); Sở hữu trí tuệ; Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

5. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử, ứng phó sự cố, bảo đảm đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân

Đánh giá kết quả triển khai hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử; triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất.

6. Công tác hợp tác quốc tế về KH&CN

Đánh giá kết quả triển khai các hoạt động phục vụ hợp tác và hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ; đổi mới công nghệ; năng lượng nguyên tử; thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới về lĩnh vực KH&CN.

7. Hoạt động thông tin và thống kê KH&CN

Đánh giá kết quả xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN; kết quả thực hiện hoạt động thông tin, thống kê KH&CN.

8. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử

Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ. Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN (các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, phân tích kiểm định kiểm nghiệm cho các tổ chức KH&CN). Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ vốn, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới.

10. Hoạt động của quỹ phát triển KH&CN

Các doanh nghiệp, tổ chức đánh giá về việc thành lập quỹ phát triển KH&CN của đơn vị, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí của quỹ theo quy định của Luật KH&CN, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật; các đóng góp vào sự phát triển của đơn vị thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện; các kiến nghị về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ.

11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Đánh giá tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp, đặc biệt là cấp thành phố, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN, chi cho KH&CN của quận/huyện/thị xã.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được (chú trọng việc đánh giá tác động của hệ thống thể chế, chính sách đến sự phát triển KH&CN, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Thủ đô, của đất nước nói chung).
2. Tồn tại, bất cập (những tồn tại bất cập cần phải tiếp tục khắc phục để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển đất nước).
3. Kiến nghị.

(Tên cơ quan, đơn vị)

**TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ VIỆC ÁP DỤNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số TT	Số hiệu, ngày ban hành văn bản QPPL	Cơ quan ban hành văn bản QPPL	Trích yếu nội dung văn bản QPPL	Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những hạn chế, bất cập khi áp dụng văn bản QPPL	Đề xuất những kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về KH&CN
1					
2					
...					

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Tên cơ quan, đơn vị)

Phụ lục 4 - Biểu 4.2

TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ NGHIỆM THU
(TỪ THÁNG 1/2017 ĐẾN THÁNG 4/2018)

Số TT	Tên Chương trình/Tên nhiệm vụ KH&CN	Loại hình nhiệm vụ (Đề tài, Đề án khoa học, Dự án SXTN, Dự án KHCN, khác)	Tên Cơ quan chủ trì/Họ và tên Chủ nhiệm nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (Bắt đầu - Kết thúc)	Kinh phí (triệu đồng)		Quyết định thu nghiệm thu (Số, ngày, tháng, năm)	Phương án ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào thực tiễn (địa chỉ, quy mô, hiệu quả ứng dụng, hiệu quả kinh tế). Tác động và những đóng góp của nhiệm vụ đối với phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển KT-XH và môi trường. Phương thức chuyển giao kết quả, mức độ thương mại hóa, tài liệu sở hữu trí tuệ.
I	NHIỆM VỤ CẤP QUỐC GIA				Tổng số	Ngân sách nhà nước		
1								
2								
....								
II	NHIỆM VỤ CẤP BỘ							
1								
2								
...								
III	NHIỆM VỤ CẤP THÀNH PHỐ							
1								
2								
...								
IV	NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ							
1								
2								
...								
	Tổng cộng:							

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Tên cơ quan, đơn vị)

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Số TT	Tên Chương trình/Tên nhiệm vụ KH&CN	Loại hình nhiệm vụ (Đề tài, Đề án khoa học, Dự án SXTN, Dự án KHCN, khác)	Quyết định giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (Số, ngày, tháng, năm)	Tên Cơ quan chủ trì/ Họ và tên Chủ nhiệm nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (Bắt đầu - Kết thúc)	Kinh phí (triệu đồng)		
						Tổng số	Đã cấp đến hết 2017	Ngân sách nhà nước Năm 2018 Năm 2019
I	NHIỆM VỤ CẤP QUỐC GIA							
1								
2								
....								
II	NHIỆM VỤ CẤP BỘ							
1								
2								
...								
III	NHIỆM VỤ CẤP THÀNH PHỐ							
1								
2								
...								
IV	NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ							
1								
2								
...								
	Tổng cộng:							

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Tên cơ quan, đơn vị)

Phụ lục 4 - Biểu 4.4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức KH&CN	Cơ quan cấp phép	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ³	Nhân lực hiện có đến 30/4/2018					Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
				Tổng số	Trong đó hướng lương SNKH					
					Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư		
1										
2										
...										
	Tổng số									

³ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP